

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ - TP ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 03-3-2021
v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Du

Ông Nguyễn Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ánh Nguyệt là thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng: Bà Trần Lê Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 348/2020/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HNGĐ 11 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐ-ST ngày 02 tháng 02 năm 2021, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đào Thị Phương T, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Tổ 8 thôn C, xã P, huyện V, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trần Ngọc D, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Số 130 đường G, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt lần thứ hai, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2020, bảng tự khai đề ngày 24/11/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đào Thị Phương T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Ngọc D tự nguyện kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ: Số 130 đường G, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian chung sống vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn và trầm trọng nhất vào năm 2017. Nguyên nhân là do chồng bà cá độ banh bóng, mặc dù bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông D vẫn không thay đổi. Do đó, vào khoảng năm 2018, bà đã dẫn con về mẹ ruột sinh sống tại địa chỉ: Tổ 8 thôn C, xã P, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Bà xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng không khắc phục được, vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Ngọc D.

Về con chung: Vợ chồng bà có 01 con chung là cháu Trần Đào Bảo A - Sinh ngày: 11/3/2015. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Đào Bảo A và yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa hôm nay, bà thay đổi mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định vợ chồng không có.

Đối với bị đơn ông Trần Ngọc D : Mặc dù ông D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải (2 lần), Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông D vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị Phương T.

** Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đào Thị Phương T đối với ông Trần Ngọc D

Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Trần Đào Bảo A - Sinh ngày: 11/3/2015 cho bà Đào Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận buộc ông D cấp dưỡng nuôi cháu Trần Đào Bảo A mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Bà T xác định vợ chồng không có, nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về nợ chung: Bà T xác định vợ chồng không có, nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Bà T phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm và ông D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2020 thì nguyên đơn khởi kiện đối với ông D để xin ly hôn và nuôi con, không có tài sản chung và nợ chung. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

[1.2] Bị đơn ông Trần Ngọc D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Đào Thị Phương T và ông Trần Ngọc D tự nguyện kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Quảng Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 60/2014, quyển số 01/2013 ngày 19/9/2014. Do đó, hôn nhân giữa ông D và bà T là hợp pháp, được nhà nước công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu ly hôn của bà T, HĐXX nhận thấy: Sau khoảng thời gian sống chung vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông D không lo làm ăn, bài bạc cá độ. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông D không thay đổi.

Do đó, đầu năm 2018 bà T đã dẫn cháu Trần Đào Bảo A về nhà mẹ ruột tại địa chỉ Tổ 8 thôn C, xã P, huyện V, thành phố Đà Nẵng sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Tuy nhiên, ông D không có những động thái tích cực để hàn gắn, níu kéo bà T về chung sống lại với ông. Hơn nữa, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông D vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng hay để Tòa án tiến hành hòa giải. Điều này chứng tỏ ông D bỏ mặc, không quan tâm và không muốn tiếp tục duy trì đến mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà T. Xét mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà T được ly hôn với ông D.

[2.2] Về con chung: Bà T xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Đào Bảo A - Sinh ngày: 11/3/2015.

[2.2.1] Đối với yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Đào Bảo A: Tại Biên bản xác minh ở nơi cư trú của ông D thể hiện hiện nay cháu An đang ở cùng bà T. Vì vậy, HĐXX xét thấy việc giao cháu An cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý và đảm bảo quyền, lợi ích về mọi mặt cũng như để ổn định cuộc sống của cháu An. Do đó, căn cứ Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà T về việc giao con chung Trần Đào Bảo A cho bà trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.2.2] Đối với yêu cầu buộc ông D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng: HĐXX xét thấy mức cấp dưỡng bà T yêu cầu là phù hợp cho việc nuôi dưỡng, học hành, nhu cầu thiết yếu của con chung. Do đó, căn cứ Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà T về mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.2.3] Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà T và ông D đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa bà T xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án: HĐXX nhận thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng phù hợp với phân tích nêu trên nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Đào Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và bị đơn ông Trần Ngọc D phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 28, 35, 39, 147, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 56, 81, 82, 83 và 116 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Phương T đối với ông Trần Ngọc D về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đào Thị Phương T được ly hôn với ông Trần Ngọc D.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 60/2014, quyền số 01/2013 đăng ký ngày 19/9/2014 tại UBND xã M, huyện L, tỉnh Quảng Nam).

2. Về con chung:

Giao con chung Trần Đào Bảo A - Sinh ngày: 11/3/2015 cho bà Đào Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Ngọc D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 04 năm 2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Đào Thị Phương T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Trần Ngọc D không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì ông Trần Ngọc D phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, bên trực tiếp nuôi con không được quyền ngăn cản. Khi cần thiết có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đào Thị Phương T xác nhận không có.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

4.1. Bà Đào Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001445 ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ,

thành phố Đà Nẵng. Bà Đào Thị Phương T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4.2. Ông Trần Ngọc D phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- UBND xã Phú Mỹ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Ngô Thị Thanh Tuyền